

DANH SÁCH THÍ SINH THI B1 OESD

Môn thi: **Nói B1**

Phòng tập trung: 403 nhà D2 tầng 4

Thời gian thi: sáng ngày 20 tháng 04 năm 2019

Nr.	SBD	Titel Vorname	Familienname	Geschlecht	Geburts-Ort	Geburts-Land	Geburts-Datum	MA Punkt e max. 100	Ký tên	Nr.
1	ZB1- MA01	Bich Phuong	Bui	weiblich	Thai Binh	Vietnam	16.06.1993	07h15		1
2	ZB1- MA02	Dai Duong	Bui	männlich	Hai Phong	Vietnam	05.06.1994			2
3	ZB1- MA03	Phu Cuong	Bui	männlich	Hanoi	Vietnam	07.04.1997	07h15		3
4	ZB1- MA04	Thi Thuy Duong	Bui	weiblich	Ha Nam	Vietnam	01.02.1986			4
5	ZB1- MA05	Trung Hieu	Bui	männlich	Dien Bien	Vietnam	11.10.1999	07h15		5
6	ZB1- MA06	Thi Thanh Hien	Che	weiblich	Hanoi	Vietnam	18.02.1999			6
7	ZB1- MA07	My Hanh	Dang	weiblich	Thai Nguyen	Vietnam	20.04.1996	07h15		7
8	ZB1- MA08	Quang Trung	Dang	männlich	Nghe An	Vietnam	31.07.1999			8
9	ZB1- MA09	Thi Huong	Dang	weiblich	Hanoi	Vietnam	08.04.1998	07h15		9
10	ZB1- MA10	Khanh Ly	Dao	weiblich	Nam Dinh	Vietnam	03.11.1997			10
11	ZB1- MA11	Minh Duc	Dao	männlich	Hanoi	Vietnam	03.08.1999	07h30		11
12	ZB1- MA12	Thi Hoa Hong	Dao	weiblich	Hai Phong	Vietnam	25.04.2000			12
13	ZB1- MA13	Ngoc Cong	Dau	männlich	Nghe An	Vietnam	25.06.1997	07h30		13
14	ZB1- MA14	Hong Ngat	Dinh	weiblich	Hanoi	Vietnam	30.09.1999			14
15	ZB1- MA15	Ngoc Viet	Dang	männlich	Hanoi	Vietnam	05.11.2000	07h30		15
16	ZB1- MA16	Quoc Tuan	Dinh	männlich	Ha Tinh	Vietnam	23.11.1993			16
17	ZB1- MA17	Thi Chinh	Dinh	weiblich	Quang Ninh	Vietnam	08.03.1997	07h30		17
18	ZB1- MA18	Thi Dao	Dinh	weiblich	Nam Dinh	Vietnam	09.03.1995			18
19	ZB1- MA19	Thi Yen	Dinh	weiblich	Nghe An	Vietnam	26.06.1992	07h30		19
20	ZB1- MA20	Duc Anh	Do	männlich	Nam Dinh	Vietnam	14.12.2000			20
21	ZB1- MA21	Ha Linh	Do	weiblich	Hanoi	Vietnam	18.02.1999	07h45		21
22	ZB1- MA22	Ho Viet	Do	männlich	Hanoi	Vietnam	12.12.1999			22
23	ZB1- MA23	Thi Hai Yen	Do	weiblich	Thai Binh	Vietnam	08.10.1997	07h45		23
24	ZB1- MA24	Thi Hanh	Do	weiblich	Bac Giang	Vietnam	23.04.2000			24
25	ZB1- MA25	Thuy Duong	Do	weiblich	Hai Phong	Vietnam	22.01.2000	07h45		25
26	ZB1- MA26	Dieu Thuy	Doan	weiblich	Hanoi	Vietnam	21.07.1999			26
27	ZB1- MA27	Manh Hieu	Doan	männlich	Hai Duong	Vietnam	04.07.1999	07h45		27
28	ZB1- MA28	Thi Hoa Quynh	Doan	weiblich	Nghe An	Vietnam	26.11.102			28
29	ZB1- MA29	Doan Minh	Duong	männlich	Quang Ninh	Vietnam	20.06.2000	07h45		29
30	ZB1- MA30	Thanh Chau Anh	Ha	weiblich	Hanoi	Vietnam	09.09.2000			30
31	ZB1- MA31	Lam Chi	Hoang	weiblich	Nghe An	Vietnam	27.01.2000	08h00		31
32	ZB1- MA32	Minh Son	Hoang	männlich	Hai Duong	Vietnam	28.12.2000			32
33	ZB1- MA33	Ngoc Anh	Hoang	männlich	Vinh Phuc	Vietnam	19.12.1993	08h00		33
34	ZB1- MA34	Phuong Lan	Hoang	weiblich	Hanoi	Vietnam	01.12.1999			34
35	ZB1- MA35	Thi Huong	Hoang	weiblich	Nghe An	Vietnam	20.12.1989	08h00		35
36	ZB1- MA36	Thi Kieu Trinh	Hoang	weiblich	Nam Dinh	Vietnam	30.07.2000			36
37	ZB1- MA37	Thi Linh	Hoang	weiblich	Bac Ninh	Vietnam	08.05.1997	08h00		37
38	ZB1- MA38	Thu Hang	Hoang	weiblich	Quang Ninh	Vietnam	22.10.1997			38
39	ZB1- MA39	Thi Huong Ly	Khuc	weiblich	Hai Duong	Vietnam	22.10.1997	08h00		39
40	ZB1- MA40	Ngoc Minh Chau	Kieu	weiblich	Hanoi	Vietnam	19.07.2000			40
41	ZB1- MA41	Anh Quan	Le	männlich	a Ria Vung Ta	Vietnam	12.11.2000	08h15		41

Nr.	SBD	Titel Vorname	Familienname	Geschlecht	Geburts-Ort	Geburts-Land	Geburts-Datum	MA Punkt e max. 100	Ký tên	Nr.
42	ZB1- MA42	Duc Anh	Le	männlich	Hanoi	Vietnam	13.09.1993	08h15		42
43	ZB1- MA43	Duc Thuan	Le	männlich	Hanoi	Vietnam	15.01.1992	08h15		43
44	ZB1- MA44	Long Nhat	Le	männlich	Quang Binh	Vietnam	23.11.1998	08h15		44
45	ZB1- MA45	Minh Hung	Le	männlich	Hai Duong	Vietnam	04.08.1993	08h15		45
46	ZB1- MA46	Phuong Thao	Le	weiblich	Hanoi	Vietnam	29.05.2000	08h15		46
47	ZB1- MA47	Thanh Dat	Le	männlich	Thai Binh	Vietnam	20.05.2000	08h15		47
48	ZB1- MA48	Thao Van	Le	weiblich	Hanoi	Vietnam	23.12.2000	08h15		48
49	ZB1- MA49	Thi Dieu Quynh	Le	weiblich	Quang Binh	Vietnam	27.08.1998	08h15		49
50	ZB1- MA50	Thi Ha	Le	weiblich	Bac Ninh	Vietnam	24.10.1995	08h30		50
51	ZB1- MA51	Thi Hong Hao	Le	weiblich	Ha Nam	Vietnam	01.10.1999	08h30		51
52	ZB1- MA52	Thi Kieu Oanh	Le	weiblich	Quang Binh	Vietnam	16.04.1995	08h30		52
53	ZB1- MA53	Thi Kieu Trang	Le	männlich	Quang Binh	Vietnam	24.06.2000	08h30		53
54	ZB1- MA54	Thi Lien	Le	weiblich	Dak Lak	Vietnam	02.02.1996	08h30		54
55	ZB1- MA55	Thi Loan	Le	weiblich	Hanoi	Vietnam	10.04.1999	08h30		55
56	ZB1- MA56	Thi Minh Tuyet	Le	weiblich	Nam Dinh	Vietnam	12.11.1997	08h30		56
57	ZB1- MA57	Thi Phuong	Le	weiblich	Thanh Hoa	Vietnam	04.06.1990	08h30		57
58	ZB1- MA58	Thu Trang	Le	weiblich	Hai Duong	Vietnam	05.03.1999	08h30		58
59	ZB1- MA59	Tien Hung	Le	männlich	Hanoi	Vietnam	05.01.1986	08h30		59
60	ZB1- MA60	Phuong Hoa	Luu	weiblich	Hai Phong	Vietnam	11.03.1999	08h45		60
61	ZB1- MA61	Thao Lien	Mai	weiblich	Hanoi	Vietnam	06.07.1996	08h45		61
62	ZB1- MA62	Van Duc	Mai	männlich	Hai Phong	Vietnam	27.12.1998	08h45		62
63	ZB1- MA63	Sy Phi Hung	Ngo	männlich	Quang Binh	Vietnam	20.01.2000	08h45		63
64	ZB1- MA64	Thao Vy	Ngo	weiblich	Quang Binh	Vietnam	11.11.1999	08h45		64
65	ZB1- MA65	Thi Diep Linh	Ngo	weiblich	Nghe An	Vietnam	10.03.1998	08h45		65
66	ZB1- MA66	Thi Thanh	Ngo	weiblich	Nam Dinh	Vietnam	23.10.1996	08h45		66
67	ZB1- MA67	Thi Thuy	Ngo	weiblich	Bac Giang	Vietnam	15.04.1995	08h45		67
68	ZB1- MA68	Van Tien	Ngo	männlich	Nghe An	Vietnam	05.03.1997	08h45		68
69	ZB1- MA69	Anh Thu	Nguyen	weiblich	Hanoi	Vietnam	10.04.2000	09h00		69
70	ZB1- MA70	Dinh Quoc Bao	Nguyen	männlich	Nghe An	Vietnam	18.01.2000	09h00		70
71	ZB1- MA71	Duc Hung	Nguyen	männlich	Quang Binh	Vietnam	14.08.1998	09h00		71
72	ZB1- MA72	Duc Sinh	Nguyen	männlich	Hung Yen	Vietnam	01.12.2000	09h00		72
73	ZB1- MA73	Duc Trung	Nguyen	männlich	Hai Phong	Vietnam	30.11.2000	09h00		73
74	ZB1- MA74	Gia Bao	Nguyen	männlich	Ben Tre	Vietnam	07.11.1996	09h00		74
75	ZB1- MA75	Hai Dang	Nguyen	männlich	Hanoi	Vietnam	29.05.1998	09h00		75
76	ZB1- MA76	Hoang Ha My	Nguyen	weiblich	Hanoi	Vietnam	04.06.1995	09h00		76
77	ZB1- MA77	Huu Huy	Nguyen	männlich	Hanoi	Vietnam	25.08.2000	09h00		77
78	ZB1- MA78	Huy Xuan	Nguyen	männlich	Hanoi	Vietnam	20.02.1996	09h00		78
79	ZB1- MA79	Khac Thinh	Nguyen	männlich	Hanoi	Vietnam	06.11.1989	09h00		79
80	ZB1- MA80	Khanh Linh	Nguyen	weiblich	Hanoi	Vietnam	12.07.2000	09h15		80
81	ZB1- MA81	Minh Nguyet	Nguyen	weiblich	Hanoi	Vietnam	12.02.1997	09h15		81
82	ZB1- MA82	Ngo Viet Dung	Nguyen	männlich	Nghe An	Vietnam	02.11.1994	09h15		82
83	ZB1- MA83	Ngoc Hung	Nguyen	männlich	Quang Binh	Vietnam	25.04.1995	09h15		83
84	ZB1- MA84	Ngoc Linh	Nguyen	weiblich	Phu Tho	Vietnam	11.09.2000	09h15		84
85	ZB1- MA85	Nhat Phuong	Nguyen	weiblich	Hanoi	Vietnam	05.08.1999	09h15		85
86	ZB1- MA86	Phuong Anh	Nguyen	weiblich	Hanoi	Vietnam	10.06.2004	09h15		86

Nr.	SBD	Titel Vorname	Familienname	Geschlecht	Geburts-Ort	Geburts-Land	Geburts-Datum	MA Punkt e max. 100	Ký tên	Nr.
87	ZB1- MA87	Phuong Dung	Nguyen	weiblich	Quang Ninh	Vietnam	17.04.1997	09h15		87
88	ZB1- MA88	Quoc Khanh	Nguyen	männlich	Ha Tinh	Vietnam	02.09.2000			88
89	ZB1- MA89	Quoc Tuan	Nguyen	männlich	Quang Binh	Vietnam	12.08.2000	09h15		89
90	ZB1- MA90	Quynh Trang	Nguyen	weiblich	Hanoi	Vietnam	15.03.1988			90
91	ZB1- MA91	Thanh Loan	Nguyen	weiblich	Nam Dinh	Vietnam	22.12.1995	09h30		91
92	ZB1- MA92	Thi My Hanh	Nguyen	weiblich	Ha Tinh	Vietnam	10.09.1998			92
93	ZB1- MA93	Thi Cam Dung	Nguyen	weiblich	Ha Tinh	Vietnam	02.01.1994	09h30		93
94	ZB1- MA94	Thi Duyen	Nguyen	weiblich	Hai Phong	Vietnam	02.01.1998			94
95	ZB1- MA95	Thi Duyen	Nguyen	weiblich	Thanh Hoa	Vietnam	06.04.1997	09h30		95
96	ZB1- MA96	Thi Hang	Nguyen	weiblich	Hanoi	Vietnam	07.05.1997			96
97	ZB1- MA97	Thi Hoang Lan	Nguyen	weiblich	Nghe An	Vietnam	02.03.1999	09h30		97
98	ZB1- MA98	Thi Huyen	Nguyen	weiblich	Bac Giang	Vietnam	04.07.1996			98
99	ZB1- MA99	Thi Khanh	Nguyen	weiblich	Hanoi	Vietnam	31.08.2000	09h30		99
100	ZB1- MA100	Minh Duc	Pham	männlich	Hanoi	Vietnam	16.01.1999			100

Chú ý: Khi đi thi thí sinh chỉ cần mang theo hộ chiếu (bản gốc hoặc bản photocopy có công chứng) và thẻ dự thi có dán ảnh và đóng dấu (nếu không có giấy tờ trên sẽ không được tham dự kỳ thi). Hội đồng thi sẽ phát bút và nháp cho thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH THI B1 OESD

Môn thi: Nói B1

Phòng tập trung: 403 nhà D2 tầng 4

Thời gian thi: chiều ngày 20 tháng 04 năm 2019

Nr.	SBD	Titel Vorname	Familienname	Geschlecht	Geburts-Ort	Geburts-Land	Geburts-Datum	MA Punkt e max. 100	Ký tên	Nr.
1	ZB1- MA101	Thi Khanh Huyen	Nguyen	weiblich	Phu Tho	Vietnam	19.08.1999	13h00		1
2	ZB1- MA102	Thi Kieu Le	Nguyen	weiblich	Hanoi	Vietnam	05.04.1994			2
3	ZB1- MA103	Thi Le Thao	Nguyen	weiblich	Quang Binh	Vietnam	18.04.2000	13h00		3
4	ZB1- MA104	Thi Len	Nguyen	weiblich	Hung Yen	Vietnam	25.12.1995			4
5	ZB1- MA105	Thi Minh Huyen	Nguyen	weiblich	Hanoi	Vietnam	08.02.1996	13h00		5
6	ZB1- MA106	Thi Ngan	Nguyen	weiblich	Thai Nguyen	Vietnam	18.03.1993			6
7	ZB1- MA107	Thi Ngan Phuong	Nguyen	weiblich	Hai Duong	Vietnam	04.06.2000	13h00		7
8	ZB1- MA108	Thi Ngoc Anh	Nguyen	weiblich	Hai Duong	Vietnam	28.06.1999			8
9	ZB1- MA109	Thi Ngoc Ha	Nguyen	weiblich	Hanoi	Vietnam	03.09.1997	13h00		9
10	ZB1- MA110	Thi Phuong Thao	Nguyen	weiblich	Hanoi	Vietnam	22.04.1999			10
11	ZB1- MA111	Thi Quynh Ha	Nguyen	weiblich	Nghe An	Vietnam	25.02.1999	13h15		11
12	ZB1- MA112	Thi Thanh Tam	Nguyen	weiblich	Hanoi	Vietnam	06.11.1997			12
13	ZB1- MA113	Thi Thao	Nguyen	weiblich	Vinh Phuc	Vietnam	30.06.1998	13h15		13
14	ZB1- MA114	Thi Thu Thao	Nguyen	weiblich	Quang Ninh	Vietnam	19.04.2000			14
15	ZB1- MA115	Thi Thuy	Nguyen	weiblich	Hanoi	Vietnam	25.05.1994	13h15		15
16	ZB1- MA116	Thi Thuy Dung	Nguyen	weiblich	Bac Ninh	Vietnam	02.07.1997			16
17	ZB1- MA117	Thi Thuy Tien	Nguyen	weiblich	Quang Binh	Vietnam	23.06.2000	13h15		17
18	ZB1- MA118	Thi Thuy Trang	Nguyen	weiblich	Hanoi	Vietnam	07.12.1995			18
19	ZB1- MA119	Thi Trang	Nguyen	weiblich	Phu Tho	Vietnam	04.03.2000	13h15		19
20	ZB1- MA120	Thi Trang	Nguyen	weiblich	Ninh Binh	Vietnam	01.01.1999			20

Nr.	SBD	Titel Vorname	Familienname	Geschlecht	Geburts-Ort	Geburts-Land	Geburts-Datum	MA Punkt e max. 100	Ký tên	Nr.
21	ZB1- MA121	Thi Tu Anh	Nguyen	weiblich	Bac Giang	Vietnam	20.10.2000	13h30		21
22	ZB1- MA122	Thi Tuyet	Nguyen	weiblich	Nghe An	Vietnam	09.06.1996			22
23	ZB1- MA123	Thi Tuyet Trinh	Nguyen	weiblich	Hai Duong	Vietnam	17.04.1996	13h30		23
24	ZB1- MA124	Tien Anh	Nguyen	männlich	Ha Tinh	Vietnam	02.10.2000			24
25	ZB1- MA125	Tien Duc	Nguyen	männlich	Hanoi	Vietnam	20.04.1997	13h30		25
26	ZB1- MA126	Trung Hieu	Nguyen	männlich	Hanoi	Vietnam	30.05.1998			26
27	ZB1- MA127	Truong Phuoc	Nguyen	männlich	Hung Yen	Vietnam	21.06.1997	13h30		27
28	ZB1- MA128	Tu Anh	Nguyen	weiblich	Thai Binh	Vietnam	02.01.1998			28
29	ZB1- MA129	Tuan Phong	Nguyen	männlich	Hanoi	Vietnam	14.12.1991	13h30		29
30	ZB1- MA130	Tuyet Duyen	Nguyen	männlich	Thanh Hoa	Vietnam	17.10.1997			30
31	ZB1- MA131	Van Hanh	Nguyen	männlich	Nghe An	Vietnam	08.05.2000	13h45		31
32	ZB1- MA132	Van Tai	Nguyen	männlich	Hai Duong	Vietnam	18.02.1995			32
33	ZB1- MA133	Van Tho	Nguyen	männlich	Vinh Phuc	Vietnam	12.07.1995	13h45		33
34	ZB1- MA134	Viet Hoang	Nguyen	männlich	Quang Binh	Vietnam	12.08.1995			34
35	ZB1- MA135	Hoang Nam	Pham	männlich	Hai Phong	Vietnam	16.04.1999	13h45		35
36	ZB1- MA136	Hong Mai	Pham	weiblich	Hanoi	Vietnam	05.10.2000			36
37	ZB1- MA137	Hong Quan	Pham	männlich	Hanoi	Vietnam	25.06.1996	13h45		37
38	ZB1- MA138	Huy Thinh	Pham	männlich	Hanoi	Vietnam	17.12.1997			38
39	ZB1- MA139	Ngoc Khoa	Pham	männlich	Hanoi	Vietnam	20.08.1999	13h45		39
40	ZB1- MA140	Phuong Mai	Pham	weiblich	Hanoi	Vietnam	14.03.1999			40
41	ZB1- MA141	Thi Hanh	Pham	weiblich	Quang Binh	Vietnam	19.01.1999	14h00		41
42	ZB1- MA142	Thi Hong Lua	Pham	weiblich	Thai Binh	Vietnam	04.01.1999			42
43	ZB1- MA143	Thi Khanh Hoa	Pham	weiblich	Nghe An	Vietnam	04.03.1996	14h00		43
44	ZB1- MA144	Thi Minh Tam	Pham	weiblich	Hanoi	Vietnam	29.06.2000			44
45	ZB1- MA145	Thi Thanh Loan	Pham	weiblich	Hanoi	Vietnam	20.06.1976	14h00		45
46	ZB1- MA146	Van Anh	Pham	weiblich	Quang Ninh	Vietnam	25.04.1988			46
47	ZB1- MA147	Van Giang	Pham	männlich	Thanh Hoa	Vietnam	20.11.1993	14h00		47
48	ZB1- MA148	Jana	Phamová	weiblich	Cheb	Tschechien	22.02.2000			48
49	ZB1- MA149	Hoang Kieu Trinh	Phan	weiblich	Nghe An	Vietnam	13.04.2000	14h00		49
50	ZB1- MA150	Thi Bich Thuy	Phan	weiblich	Quang Binh	Vietnam	07.10.2000			50
51	ZB1- MA151	Thi Quynh Anh	Phung	weiblich	Hai Phong	Vietnam	15.02.2000	14h15		51
52	ZB1- MA152	Tuan Anh	Phuong	männlich	Hanoi	Vietnam	30.10.1995			52
53	ZB1- MA153	Huyen Trang	Quach	weiblich	Hai Phong	Vietnam	18.12.2000	14h15		53
54	ZB1- MA154	Dinh Thai Nhan	Ta	männlich	Bac Giang	Vietnam	26.07.2000			54
55	ZB1- MA155	Phuong Chi	Ta	weiblich	Hanoi	Vietnam	30.03.1999	14h15		55
56	ZB1- MA156	Quy Cuong	Than	männlich	Nghe An	Vietnam	06.08.1992			56
57	ZB1- MA157	Luu Hong Hanh	To	weiblich	Quang Ninh	Vietnam	19.10.2000	14h15		57
58	ZB1- MA158	Duc Manh	Tran	männlich	Nghe An	Vietnam	17.08.1999			58
59	ZB1- MA159	Gia Bao	Tran	männlich	Nghe An	Vietnam	23.02.2000	14h15		59
60	ZB1- MA160	Hang Nga	Tran	weiblich	Thai Binh	Vietnam	18.09.1994			60
61	ZB1- MA161	Hieu Ngan	Tran	weiblich	Thai Nguyen	Vietnam	05.12.2000	14h30		61
62	ZB1- MA162	Hoang Anh	Tran	weiblich	Hanoi	Vietnam	08.05.2000			62
63	ZB1- MA163	Kim Nguyen Dieu	Tran	männlich	Ha Tinh	Vietnam	04.06.1992	14h30		63
64	ZB1- MA164	Manh Toan	Tran	männlich	Hai Phong	Vietnam	07.09.1997			64
65	ZB1- MA165	Minh Phuong	Tran	weiblich	Hai Phong	Vietnam	14.05.1995	14h30		65

Nr.	SBD	Titel Vorname	Familienname	Geschlecht	Geburts-Ort	Geburts-Land	Geburts-Datum	MA Punkt e max. 100	Ký tên	Nr.
66	ZB1- MA166	Minh Tien	Tran	weiblich	Hanoi	Vietnam	21.07.1997	14h30		66
67	ZB1- MA167	Ngoc Bao Tram	Tran	weiblich	Hanoi	Vietnam	01.06.1999	14h30		67
68	ZB1- MA168	Quang Dung	Tran	männlich	Ha Tinh	Vietnam	03.05.1993	14h30		68
69	ZB1- MA169	Thi HuyenTrang	Tran	weiblich	Ha Tinh	Vietnam	11.01.2000	14h30		69
70	ZB1- MA170	Thi Thao Suong	Tran	weiblich	Quagn Binh	Vietnam	26.10.2000	14h30		70
71	ZB1- MA171	Thi Thu Hang	Tran	weiblich	p. Ho Chi Minh	Vietnam	03.05.1999	14h45		71
72	ZB1- MA172	Thi Trang	Tran	weiblich	Nam Dinh	Vietnam	06.02.1997	14h45		72
73	ZB1- MA173	Thi Van Anh	Tran	weiblich	Quang Binh	Vietnam	24.01.2000	14h45		73
74	ZB1- MA174	Thu Thao	Tran	weiblich	Thai Binh	Vietnam	02.05.1999	14h45		74
75	ZB1- MA175	Van Thanh	Tran	männlich	Ha Tinh	Vietnam	05.11.2000	14h45		75
76	ZB1- MA176	Thuy Linh	Trieu	weiblich	Hanoi	Vietnam	27.04.1996	14h45		76
77	ZB1- MA177	Nhat Thu	Truong	weiblich	Hanoi	Vietnam	09.11.2000	14h45		77
78	ZB1- MA178	Thi My Linh	Truong	weiblich	Quang Binh	Vietnam	02.02.2000	14h45		78
79	ZB1- MA179	Thuy Nga	Truong	weiblich	Hoa Binh	Vietnam	31.01.2000	14h45		79
80	ZB1- MA180	Trung Hieu	Truong	männlich	Hanoi	Vietnam	22.10.1997	14h45		80
81	ZB1- MA181	Phuong Linh	Vo	männlich	Bac Ninh	Vietnam	02.10.2000	15h00		81
82	ZB1- MA182	Quang Vinh	Vo	männlich	Hanoi	Vietnam	09.02.2000	15h00		82
83	ZB1- MA183	Thi Bao Trung	Vo	weiblich	Quang Binh	Vietnam	07.02.2000	15h00		83
84	ZB1- MA184	Duy Quang	Vu	männlich	Yen Bai	Vietnam	20.12.1996	15h00		84
85	ZB1- MA185	Hoang Phuong Mai	Vu	weiblich	Bac Ninh	Vietnam	19.11.1999	15h00		85
86	ZB1- MA186	Ngoc Anh	Vu	weiblich	Nam Dinh	Vietnam	20.03.2000	15h00		86
87	ZB1- MA187	Thi Cam	Vu	weiblich	Nam Dinh	Vietnam	21.08.1993	15h00		87
88	ZB1- MA188	Thi Hien Trang	Vu	weiblich	Hai Phong	Vietnam	24.08.1997	15h00		88
89	ZB1- MA189	Thi Thu Hien	Vu	weiblich	Nam Dinh	Vietnam	06.08.1994	15h00		89
90	ZB1- MA190	Thi Thu Hien	Vu	weiblich	Thanh Hoa	Vietnam	12.09.2000	15h00		90
91	ZB1- MA191	Thi Thuy Duong	Vu	weiblich	Hai Phong	Vietnam	15.11.2000	15h15		91
92	ZB1- MA192	Thi Ngan	Vu	weiblich	Thai Binh	Vietnam	13.01.1999	15h15		92
93	ZB1- MA193	Thien Viet Thy	Vu	weiblich	Hanoi	Vietnam	28.06.2000	15h15		93
94	ZB1- MA194	Thuy Nga	Vu	weiblich	Quagn Ninh	Vietnam	13.01.2000	15h15		94
95	ZB1- MA195	Tuan Cuong	Vu	männlich		Ukraine	25.04.1994	15h15		95
96	ZB1- MA196	Tuan Duy	Vu	männlich	Hai Phong	Vietnam	16.04.2000	15h15		96
97	ZB1- MA197	Van Tung	Vu	männlich	Hanoi	Vietnam	25.02.1991	15h15		97
98	ZB1- MA198	Viet Anh	Vu	männlich	Nam Dinh	Vietnam	30.10.1995	15h15		98

Chú ý: Khi đi thi thí sinh chỉ cần mang theo hộ chiếu (bản gốc hoặc bản phô tô có công chứng) và thẻ dự thi có dán ảnh và đóng dấu (nếu không có giấy tờ trên sẽ không được tham dự kỳ thi). Hội đồng thi sẽ phát bút và nháp cho thí sinh.